

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04 tháng 6 năm 2021

“V/v: không công nhận quan hệ vợ chồng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Văn Tư
Bà Hoàng Thị Hồng
- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký TAND thành phố Bắc Giang
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978 (có mặt)

ĐKHKTT: Thôn Tr, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở: Số nhà 50, ngõ Q, đường LL, phường LL, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

2- Bị đơn: Anh Đỗ Văn H, sinh năm: 1973 (có mặt)

ĐKHKTT và cư trú: Thôn Tr, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2021, bản tự khai và lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Đỗ Văn H đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới ngày 12/2/1997 (âm lịch), tuy nhiên không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị và anh H về chung sống với nhau tại thôn Tr, xã TT, thành phố Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng hòa Th được vài năm đầu, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, sau đó vợ chồng đã hòa giải để tiếp tục chung sống. Năm 2014 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn gay gắt, tháng 8 năm 2014 vợ chồng đã quyết định sống ly thân, từ đó đến nay mỗi người sống một nơi, không còn

chăm lo đến hạnh phúc chung. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh H là do bất đồng về tính cách, lối sống, không tin tưởng nhau. Nay chị đề nghị Tòa án xem xét và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Đỗ Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có ba con chung là Đỗ Thị H1 và Đỗ Thị H2 đều sinh ngày 10/01/1998, Đỗ Tùng D, sinh ngày 27/11/2009. Nay hai con lớn đều trên 18 tuổi, có công việc, thu nhập chị không yêu cầu giải quyết, đối với cháu Đỗ Tùng D chị đề nghị giao cho chị nuôi và không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Anh Đỗ Văn H tại biên bản ghi lời khai ngày 20/4/2021 và các lời khai tiếp theo trình bày thừa nhận anh và chị Nguyễn Thị Th có tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ngày 12/2/1997 (âm lịch) theo phong tục tập quán, nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống với nhau hòa Th cho đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn do chị Th chơi bời, bỏ đi ở với người đàn ông khác. Từ năm 2014 đến nay anh và chị Th không sống cùng nhau nữa, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Th yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, anh nhất trí. Về con chung anh và chị Th có ba con chung như chị Th khai, các con lớn anh không yêu cầu, con út là Đỗ Tùng D muốn ở với ai anh nhất trí theo nguyện vọng của con. Về tài sản chung, công nợ chung không có.

Cháu Đỗ Tùng D trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 06/5/2021 xin được ở cùng với mẹ.

Tại biên bản xác minh của Tòa án với đại diện UBND xã Tân Tiến xác nhận: Chị Nguyễn Thị Th và anh Đỗ Văn H có chung sống với nhau từ năm 1997 và sinh sống tại thôn Tr, xã TT, thành phố Bắc Giang. Kết quả tra cứu sổ đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Tiến cho thấy anh H và chị Th không đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Tiến theo quy định của pháp luật. Trên thực tế chị Th, anh H đã sống ly thân nhiều năm nay. Nay chị Th, anh H yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thì đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để xem xét về quan hệ hôn nhân, con chung cũng như tài sản chung.

Tại phiên tòa, các đương sự có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, nhất trí để chị Th tiếp tục nuôi cháu Đỗ Tùng D và không yêu cầu xem xét về việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tại phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của thư ký là đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị gì. Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập, thực trạng hôn nhân của chị Th, anh H, đề nghị Tòa án căn cứ Điều 14, điều 53, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử không công nhận chị Nguyễn Thị Th và anh

Đỗ Văn H là vợ chồng; đề nghị giao cháu Đỗ Tùng D, sinh ngày 27/11/2009 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản không đặt ra xem xét do các đương sự không yêu cầu. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện.

[2]. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình, các đương sự cư trú tại thành phố Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Đỗ Văn H đều khai có tổ chức lễ cưới ngày 12/2/1997 theo phong tục tập quán, nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Kết quả xác minh tại UBND xã Tân Tiến, đại diện UBND xã đã xác định trong sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã Tân Tiến từ năm 1997 cho đến nay không có tên chị Th, anh H có năm sinh, địa chỉ như trên đăng ký kết hôn. Như vậy, theo quy định tại các điều 5, 6, 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Th và anh Đỗ Văn H không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, Hội đồng xét xử căn cứ điều 14, điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th.

[4]. Về con chung: Chị Th, anh H có các con chung là Đỗ Thị H1 và Đỗ Thị H2 đều sinh ngày 10/01/1998, hiện đều trên 18 tuổi, khỏe mạnh nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu Đỗ Tùng D, sinh ngày 27/11/2009, cháu có nguyện vọng ở với mẹ và chị Th, anh H đều nhất trí, nên HĐXX quyết định giao cho chị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Tùng D. Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Sau khi ly hôn, anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất canh tác: Chị Th, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 28, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 147; điều 235; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 26; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Nguyễn Thị Th và anh Đỗ Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Tùng Dương, sinh ngày 27/11/2009. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001031 ngày 13/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bắc Giang;
- THADS TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Tiến.
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

